

Thứ ba, ngày 25 tháng 7 năm 2023

Vietnam Daily Review

VN-Index tiếp tục duy trì sắc xanh

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 26/7/2023		●	
Tuần 24/7-28/7/2023		●	
Tháng 07/2023		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index có một phiên giằng co trước ngưỡng kháng cự 1,200 trong ngày hôm nay và kết phiên tại 1,195.9 điểm. Số mã giảm có phần áp đảo số mã tăng; 9/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Ngân hàng dẫn đầu đà tăng. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Trong những phiên tới, thị trường có thể trải qua những phiên giằng co tại vùng giá cao.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30. Khuyến nghị nhà đầu tư thận trọng trong những phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 25/7/2023, các chứng quyền biến động theo đà tăng của cổ phiếu cơ sở.

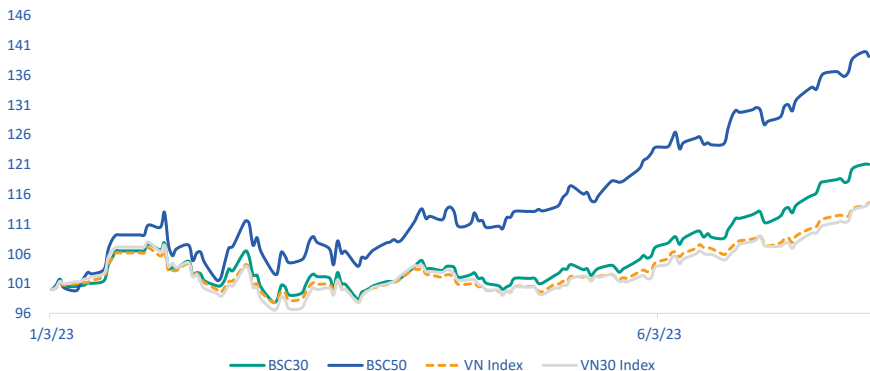
Diễn biến:

- VN-Index **+5.18** điểm, đóng cửa **1195.9** điểm. HNX-Index **+0.4** điểm, đóng cửa **236.93** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+3.77)**, **TCB (+0.94)**, **SAB (+0.49)**, **VNM (+0.48)**, **BID (+0.45)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-0.55)**, **VIC (-0.49)**, **GVR (-0.41)**, **MWG (-0.34)**, **BCM (-0.32)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **18,570** tỷ đồng, giảm **-0.62%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức **20,149** tỷ đồng.
- Biên độ dao động: **8.55** điểm. Thị trường có **207** mã tăng, **72** mã tham chiếu, **250** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **9.29** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (71.58 tỷ)**, **VRE (39.18 tỷ)**, **SSI (33.13 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **78.84** tỷ đồng.

Diễn biến BSC30, BSC50:

- BSC30 **1.17%**. Các mã diễn biến tích cực: **VCB (+3.54%)**, **TCB (+3.24%)**, **VRE (+2.11%)**
- BSC50 **+1.31%**. Các mã diễn biến tích cực: **DIG (+2.40%)**, **SAB (+1.94%)**, **TPB (+1.88%)**

Hiệu suất BSC30, BSC50 so với thị trường (Chi tiết - trang 5)



Báo cáo doanh nghiệp chi tiết xem tại:

[Link](#)

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Nguyễn Thùy Trang

trangnt1@bsc.com.vn

VN-INDEX **1195.90**

Giá trị: 18570.3 tỷ **5.18 (0.43%)**

Khối ngoại (ròng): 9.29 tỷ

HNX-INDEX **236.93**

Giá trị: 1743.66 tỷ **0.4 (0.17%)**

Khối ngoại (ròng): 78.84 tỷ

UPCOM-INDEX **88.58**

Giá trị: 858.99 tỷ **-0.11 (-0.12%)**

Khối ngoại (ròng): -32.15 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	78.8	2.30%
Giá vàng	1,955	-0.27%
Tỷ giá USD/VND	23,760	0.03%
Tỷ giá EUR/VND	26,177	-0.05%
Tỷ giá JPY/VND	16,747	0.07%
LS liên NH 1 tháng	1.8%	-0.03%
LS TPCP 5 năm	2.1%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	71.58	VNM	-138.35
VRE	39.18	MSB	-75.66
SSI	33.13	DGW	-37.77
GEX	32.94	VPB	-23.38
HDB	29.96	VCB	-22.87

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Hiệu suất PTKT	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Thống kê thị trường	Trang 5
Danh mục BSC30	Trang 6
Danh mục BSC50	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 25/7

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	78.84	2.30%	6.42%	13.37%	-16.50%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	82.83	2.17%	5.51%	11.40%	-15.31%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.90	3.58%	10.27%	18.22%	2.38%	HVN, VJC	PLX, OIL
Natural gas	USD/MMBtu	2.70	-0.53%	7.42%	-6.69%	-69.08%		
TTF Gas	EUR/MWh	30.56	8.50%	21.74%	-4.43%	-82.70%		
Vàng	Ounce	1954.84	-0.27%	0.01%	1.66%	13.73%		PNJ
Bạc	Ounce	24.34	-0.97%	-2.09%	6.88%	32.17%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1523.25	1.48%	2.64%	6.93%	12.33%	DBC, QNS	HKB
Sữa	Cwt	13.77	-0.29%	-0.43%	-7.77%	-38.91%	KDC	VNM, GTN
Cao su	JPY/kg	128.60	0.63%	-0.46%	-1.83%	-18.30%	SRC, CSM	DPR, PHR
Đường	LB	24.92	-0.36%	4.71%	5.06%	42.64%	VNM, GTN	SBT, LSS
Cà phê	LB	163.00	0.71%	4.82%	-2.95%	-22.40%	VCF, CTP	CTP, DLG
Ure	USD/T	415.00	1.22%	10.67%	38.10%	-42.56%		DPM, DCM
Niken	LB	20539.00	-2.43%	-4.03%	-2.28%	-6.98%		PC1
Đồng	LB	3.83	0.63%	-0.14%	1.13%	14.20%	CAV, SAM	MSN, ACM
Thép	CNY/ton	3736.00	0.59%	0.67%	1.99%	-3.93%		HPG
Nhôm	Ton	2210.00	0.25%	-2.00%	2.86%	-8.49%	CAV, SAM	
Quặng sắt	Ton	116.00	-0.85%	-0.85%	1.31%	12.62%	HPG	
Than đá	Ton	133.00	0.76%	1.03%	5.77%	-67.50%	HT1, HPG	HLC, NBC

Thông tin nổi bật

- Giá dầu

 - Giá dầu tăng khoảng 2% lên gần mức cao nhất trong 3 tháng do nguồn cung hạn hẹp, nhu cầu xăng tại Mỹ đang tăng, hy vọng về các biện pháp kích thích kinh tế của Trung Quốc và việc mua vào theo yếu tố kỹ thuật.
- Giá vàng

 - Giá vàng giao dịch trong biên độ hẹp do các nhà đầu tư chuẩn bị cho đợt tăng lãi suất được dự đoán rộng rãi cùng với manh mối những manh mối về chính sách tiền tệ tương lai từ Cục Dự trữ Liên bang trong tuần này.
- Giá quặng sắt

 - Giá quặng sắt Đại Liên đóng cửa gần như không đổi do lo ngại về lĩnh vực bất động sản đã xóa sạch mức tăng trước đó, trong khi quặng sắt tại Singapore giảm.
- Giá hàng hóa khác

 - Lúa mì Chicago tăng 8.6%, tăng ở mức tối đa trong ngày sau khi Nga tấn công các cảng của Ukraine và cơ sở hạ tầng ngũ cốc. Ngô Chicago tăng 6% và thiết lập cao nhất một tháng.

	25/7	% 25/7	24/7	% 24/7	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1195.90	0.44%	1190.72	9.57%	1.86%	5.89%
S&P 500			4554.64	0.40%	0.70%	4.33%
HDTL S&P500	4588.50	0.11%	4583.50	10.04%	0.02%	3.72%
Shang-hai	3231.52	2.13%	3164.16	-3.55%	1.05%	1.05%
Euro Stoxx	4382.54		4383.03	3.12%	0.29%	2.60%

* Giờ chốt dữ liệu: 15h00 hàng ngày theo giờ Việt Nam

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thông kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa tại ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
7/11/2023	ELC	14.8	16.9	13.8	15.3	14	3.39%	Có thể tiếp tục mua
5/23/2023	REE	61.5	70.0	58.0	65.3	63	6.27%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt			(**) Tiệm cận giá mục tiêu			

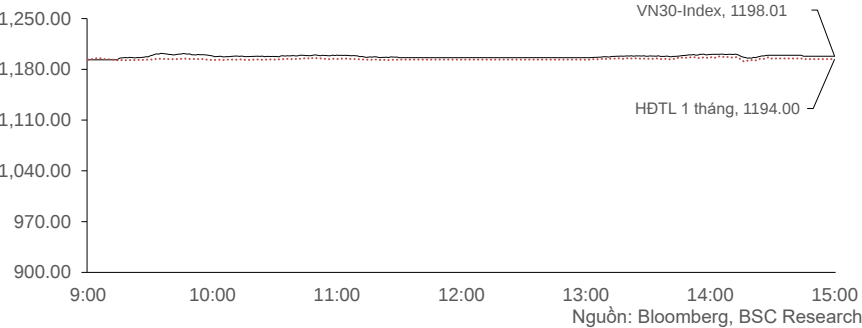
Thông kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa tại ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
5/12/2023	CTD	64.6	72	61	TP	56	11.46%
3/16/2023	GVR	15	16.9	14	TP	57	12.67%
3/8/2023	FRT	72.4	85	70	SL	9	-3.31%
3/2/2023	DDV	8.6	10	8	TP	88	16.28%
3/7/23	HPG	21.1	25	19.8	TP	107	18.48%
12/19/22	VCS	57.7	70.5	53.3	SL	46	-7.63%
5/8/22	DRC	29.5	34	28.2	SL	54	-4.41%
4/8/22	VTP	62.3	70	58.5	SL	46	-6.10%
27/6/22	DBC	19.45	24	18.25	TP	9	23.39%
6/6/2022	NT2	25.1	28.5	23.5	TP	8	13.55%
1/6/2022	PC1	38.5	43.3	35.2	TP	7	12.47%
25/5/22	FRT	82.7	103.9	76.3	TP	26	25.63%
Chú thích: Danh sách thông kê 15 mã đóng vị thế gần nhất					TP - Đã chốt lời	SL - Đã cắt lỗ	

Thông kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất khuyến nghị lãi	Hiệu suất khuyến nghị lỗ	Hiệu suất bình quân	Số ngày nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	2	0	4.83%	0.00%	4.83%	39
Cổ phiếu đã chốt	256	232	7.01%	-7.45%	4.08%	24

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2312	1185.10	0.81%	-12.91	5.8%	127	12/21/2023	151
VN30F2403	1182.20	0.61%	-15.81	-23.0%	47	3/21/2024	242
VN30F2308	1194.00	0.22%	-4.01	16.6%	158,840	8/17/2023	25
VN30F2309	1194.00	0.41%	-4.01	5.8%	383	9/21/2023	60

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 tăng 4.87 điểm lên 1198.01 điểm, biên độ dao động 7.5 điểm. Các cổ phiếu như TCB, VCB, ACB, VNM, và VRE đã tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 duy trì được đà tăng từ lúc mở cửa và kết phiên tăng 0.41%. Thanh khoản thị trường nằm trên MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HDTL tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, VN30F2403 giảm, tất cả các HDTL còn lại đều tăng. Xét về vị thế mở, tất cả các HDTL đều giảm trừ HDTL VN30F2403.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CTCB2215	9/5/2023	42	4:1	462,800	37.65%	1,700	1,890	17.39%	1,794	1.05	32,940	26,500	33,500
CTCB2216	11/1/2023	99	4:1	351,100	37.65%	1,800	1,960	13.95%	1,695	1.16	34,380	27,500	33,500
CTCB2302	5/24/2024	304	3:1	596,700	37.65%	3,100	3,320	9.21%	2,960	1.12	36,120	27,000	33,500
CVNM2302	10/2/2023	69	10:1	893,900	19.93%	1,000	710	5.97%	423	1.68	78,922	72,222	74,500
CMBB2306	5/24/2024	304	1.69:1	1,127,300	32.45%	1,800	2,390	4.82%	2,097	1.14	20,833	20,000	18,800
CACB2208	9/5/2023	42	3.33:1	574,600	27.43%	1,400	1,390	4.51%	1,337	1.04	22,385	21,500	22,300
CVPB2214	9/5/2023	42	4:1	698,800	34.94%	1,100	1,330	3.91%	1,237	1.08	22,120	17,000	21,850
CVRE2303	5/24/2024	304	3:1	593,300	36.02%	2,500	2,420	3.42%	2,164	1.12	32,020	25,000	29,000
CMBB2215	11/1/2023	99	1.69:1	376,200	32.45%	2,500	2,580	2.38%	2,280	1.13	19,544	18,000	18,800
CFPT2210	8/31/2023	37	8.59:1	1,160,000	19.62%	2,350	690	1.47%	561	1.23	83,225	90,000	81,300
CVIB2302	5/24/2024	304	1.66:1	411,100	33.49%	2,000	2,540	-0.39%	2,332	1.09	23,396	23,000	20,950
CHPG2309	5/24/2024	304	3:1	433,700	42.99%	1,200	2,380	-0.42%	2,364	1.01	31,170	24,000	28,250
CPDR2301	10/30/2023	97	4:1	500,800	60.21%	1,000	2,060	-1.44%	1,880	1.10	22,582	14,222	21,350
CSTB2225	11/1/2023	99	2:1	466,700	42.42%	2,900	4,430	-1.56%	4,200	1.05	29,500	20,500	28,500
CSTB2224	9/5/2023	42	2:1	1,244,600	42.42%	2,700	4,380	-1.57%	4,305	1.02	28,900	20,000	28,500
CSTB2306	5/24/2024	304	2:1	1,454,500	42.42%	2,600	2,340	-1.68%	2,117	1.11	34,760	30,000	28,500
CMWG2305	5/24/2024	304	4:1	454,300	40.71%	2,000	5,420	-1.99%	4,981	1.09	58,120	36,000	53,600
CSTB2303	11/9/2023	107	2:1	192,000	42.42%	4,500	3,860	-3.50%	3,566	1.08	30,000	22,000	28,500
CMWG2302	11/9/2023	107	6:1	650,200	40.71%	1,350	970	-11.01%	1,163	0.83	56,540	50,000	53,600
CMSN2302	5/24/2024	304	6:1	320,800	35.73%	3,300	4,210	-17.61%	3,767	1.12	96,660	66,000	83,400
Tổng		12,963,400	36.97%**										

Chú thích:

Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất

Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi

Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn

*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 25/7/2023, các chứng quyền biến động theo đà tăng của cổ phiếu cơ sở.
- CSTB2224 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 11.96%. Giá trị giao dịch tăng 42.32%. CSTB2224 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 11.96%.
- CMWG2302, CTPB2301, CMBB2303, và CVIB2301 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2314, CMWG2305, CHPG2306, và CPDR2301 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2305, CHPG2226, CSTB2224, và CHPG2302 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

4

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	91.70	3.54	3.77	2.37MLN
TCB	33.50	3.24	0.94	13.27MLN
SAB	158.00	1.94	0.49	379300
VNM	74.50	1.22	0.48	4.25MLN
BID	47.15	0.75	0.45	1.62MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VHM	58.60	-0.85	-1	3.62MLN
VIC	51.50	-0.96	0	3.80MLN
GVR	21.80	-1.80	0	2.34MLN
MWG	53.60	-1.65	0	4.43MLN
BCM	78.00	-1.52	0	144100

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

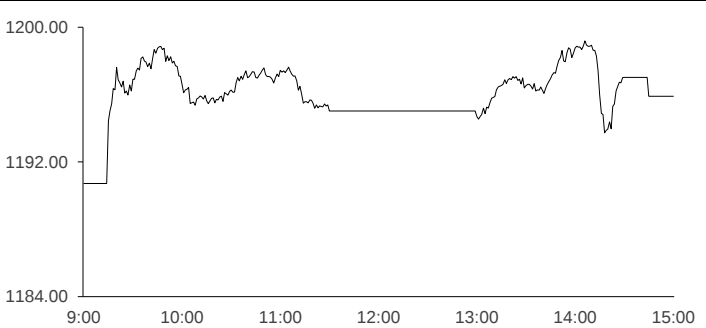
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PHC	9.04	6.98	0.01	2.63MLN
LEC	9.53	6.96	0.00	6600
AGM	6.96	6.91	0.00	428400
SMA	8.20	6.91	0.00	2000
PSH	15.50	6.90	0.03	3.31MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	58.60	-0.85	-0.55	3.62MLN
VIC	51.50	-0.96	-0.49	3.80MLN
GVR	21.80	-1.80	-0.41	2.34MLN
MWG	53.60	-1.65	-0.34	4.43MLN
BCM	78.00	-1.52	-0.32	144100

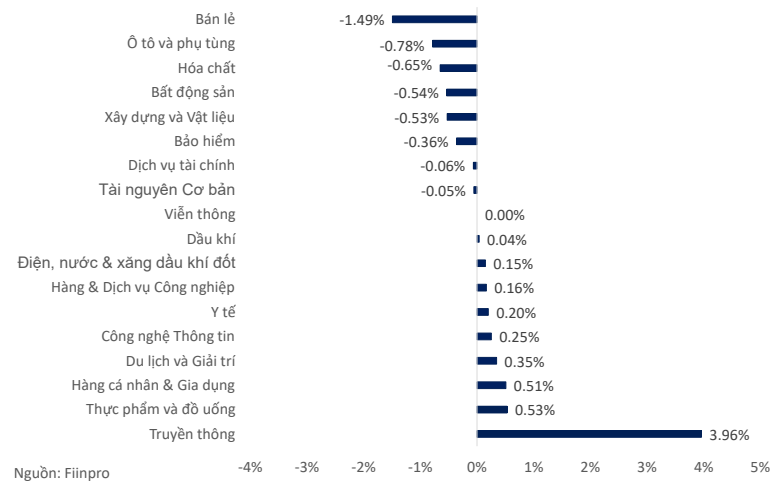
Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 1
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3
Vận động ngành



Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CEO	18.70	3.89	0.44	13.32MLN
NVB	14.40	2.13	0.25	802600
DNP	24.90	6.87	0.20	8000
HTP	31.80	7.80	0.19	29500.00
TAR	20.90	3.98	0.09	5.38MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
IDC	45.00	-1.53	-0.27	3.48MLN
HUT	20.50	-1.44	-0.16	2.82MLN
SHS	15.10	-0.66	-0.13	15.92MLN
BAB	14.10	-0.70	-0.12	13800
SHN	8.50	-4.49	-0.08	4500

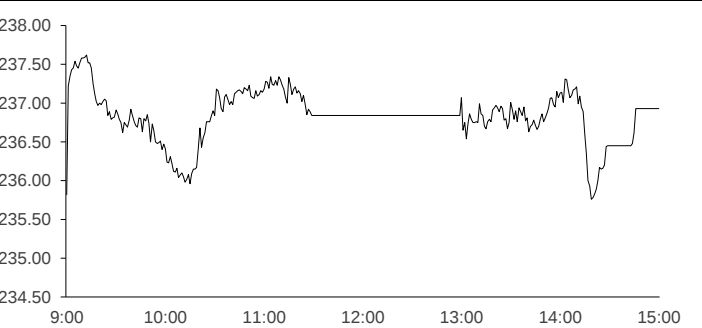
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HAT	38.50	10.0	0.01	12100
NET	53.00	10.0	0.03	33200
SGD	23.30	9.9	0.00	100
KHS	22.50	9.8	0.02	4700
VMS	31.50	9.8	0.02	109500

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

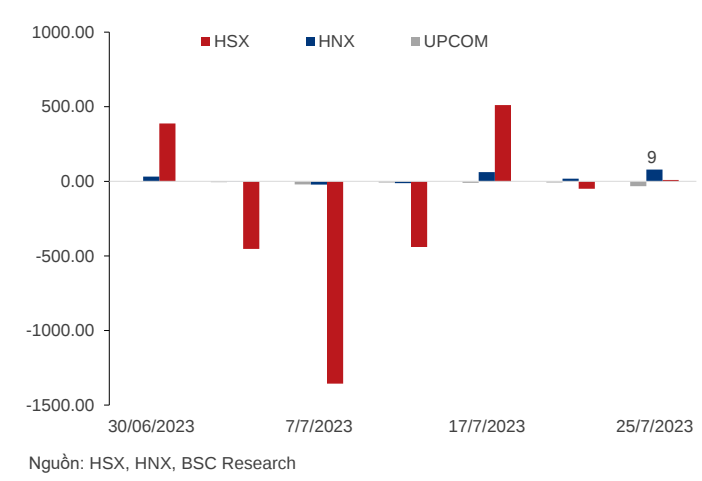
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CAN	42.50	-9.96	-0.02	100
THS	11.90	-9.85	0.00	300
VLA	27.00	-9.70	-0.01	200
X20	9.50	-9.52	-0.01	1500
CJC	19.90	-9.13	0.00	200

Hình 2
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 4
Giao dịch khối ngoại



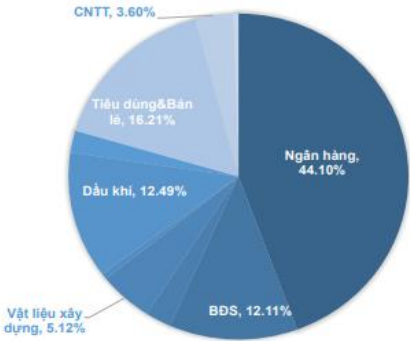
Danh mục BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo báo
VCB	Ngân hàng	91.7	3.5%	0.8	22,284	9.5	7,311	12.5	105,000	23.6%	Link
BID	Ngân hàng	47.2	0.7%	1.0	10,370	3.3	4,208	11.2	54,578	17.3%	Link
VPB	Ngân hàng	21.9	0.0%	1.1	6,378	25.0	3,972	5.5	23,685	28.1%	Link
TCB	Ngân hàng	33.5	3.2%	1.4	5,123	19.3	14,982	2.2		17.6%	Link
MBB	Ngân hàng	18.8	0.3%	1.4	4,262	7.8	14,982	1.3	24,400	17.6%	Link
STB	Ngân hàng	28.5	-0.7%	1.3	2,336	24.6	4,640	6.1	31,200	30.0%	Link
GVR	BDS KCN	21.8	-1.8%	1.1	3,791	2.2	4,603	4.7	19,100	23.2%	Link
KBC	BDS KCN	32.0	-1.2%	1.6	1,068	11.3	4,880	6.6	29,800	29.2%	Link
IDC	BDS KCN	45.0	-1.5%	1.8	646	6.9			52,400	42.8%	Link
VGC	BDS KCN	47.4	-2.1%	1.8	924	2.4	1,217	38.9		0.5%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	28.3	0.0%	1.0	7,142	24.8	1,916	14.7	25,000	23.4%	Link
VHM	Vật liệu xây dựng	58.6	-0.8%	0.9	11,094	9.2	1,896	30.9	68,300	10.6%	Link
VRE	BDS	29.0	2.1%	1.1	2,865	11.0	5,227	5.5	36,200	23.9%	Link
KDH	BDS	34.2	-0.3%	0.4	1,064	3.0	1,576	21.7	37,700	32.5%	Link
NLG	BDS	37.2	-0.9%	1.6	621	6.8	2,557	14.5	38,100	44.9%	Link
DGC	Phân bón	72.3	0.0%	1.5	1,194	10.6	14,120	5.1	60,500	18.4%	Link
DPM	Dầu khí	37.9	1.2%	1.3	644	6.5	6,793	5.6	42,000	3.0%	Link
DCM	Dầu khí	29.4	0.3%	0.8	676	5.5	2,625	11.2	29,000	18.1%	Link
GAS	Dầu khí	98.8	0.3%	0.7	8,222	1.8	2,292	43.1	122,300	41.1%	Link
PLX	Dầu khí	40.3	0.0%	1.1	2,226	3.5	1,340	30.1	45,000	20.4%	Link
PVS	Dầu khí	35.0	0.3%	1.1	727	7.4	993	35.2	33,000	6.3%	Link
PVD	Dầu khí	25.7	0.0%	1.4	621	4.4	7,698	3.3	26,000	49.0%	Link
POW	Tiện ích	13.3	-0.4%	1.1	1,349	5.3	3,895	3.4	14,500	55.8%	Link
VNM	Bán lẻ	74.5	1.2%	1.2	6,770	13.7	2,605	28.6	84,500	30.6%	Link
MSN	Bán lẻ	83.4	-0.7%	1.2	5,188	7.0	3,456	24.1	96,000	49.0%	Link
MWG	Bán lẻ	53.6	-1.7%	1.5	3,408	10.3	7,475	7.2	55,200	49.0%	Link
PNJ	Bán lẻ	80.5	1.5%	0.8	1,148	6.7	2,965	27.2	95,000	29.0%	Link
VHC	Thủy sản	74.4	-0.4%	1.2	593	2.3	12,800	5.8	67,500	30.5%	Link
GMD	Logistics	58.4	-0.7%	0.6	765	2.8	7,059	8.3	57,000	48.8%	Link
FPT	Công nghệ	81.3	0.4%	0.8	4,489	3.7	5,901	13.8	91,900	49.0%	Link

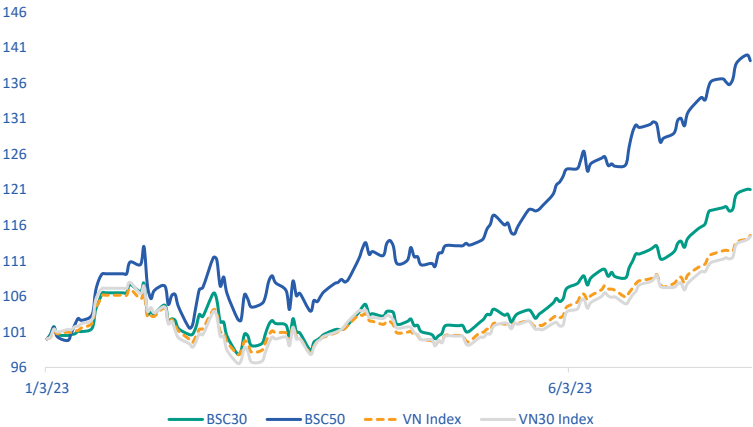
Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	1.17%	1.31%	0.96%	1.22%
1 tuần	2.88%	3.59%	2.09%	1.76%
1 tháng	6.37%	7.16%	3.75%	3.84%
3 tháng	11.93%	19.57%	7.85%	6.10%



Hiệu suất BSC30, BSC50 so với thị trường



Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
CTG	Ngân hàng	29.9	0.2%	1.1	6,247	8.0	3,520	8.5	1.3	27.1%	16.1%
ACB	Ngân hàng	22.3	1.1%	1.0	3,766	13.3	3,742	6.0	1.4	30.0%	26.3%
HDB	Ngân hàng	17.2	-0.3%	0.9	2,163	2.7	2,738	6.3	1.3	19.7%	22.6%
LPB	Ngân hàng	16.5	0.9%	1.5	1,240	5.7	2,135	7.7	1.1	4.2%	15.9%
VIB	Ngân hàng	21.0	-0.2%	1.3	2,311	5.1	3,469	6.0	1.6	20.4%	29.7%
VND	Chứng khoán	18.9	-0.8%	2.0	1,001	20.9	489	38.6	1.6	23.5%	4.8%
TPB	Ngân hàng	19.0	1.9%	1.1	1,819	11.0	2,697	7.0	1.3	29.0%	19.8%
SSI	chứng khoán	28.8	0.3%	1.7	1,877	18.1	1,120	25.7	1.9		7.9%
CII	Xây dựng	20.0	-1.5%	1.9	246	13.1	218	91.7	0.9	9.0%	1.0%
C4G	Xây dựng	14.6	-1.4%	2.1	214	1.8	791	18.5	1.3	0.0%	8.2%
CTD	Xây dựng	74.0	0.4%	2.0	239	3.5	184	402.3	0.7	49.0%	0.2%
HHV	Xây dựng	16.2	-1.2%	1.7	231	5.8	903	17.9	0.7	4.6%	3.9%
LCG	Xây dựng	14.2	-2.7%	2.1	117	5.8	812	17.5	1.1	3.3%	6.1%
BCM	KCN	78.0	-1.5%	0.9	3,510	0.5	1,170	66.6	4.8	2.7%	8.1%
HUT	KCN	20.5	-1.4%	1.5	311	2.5	162	126.7	1.8	1.9%	1.4%
PHR	KCN	51.5	-1.2%	1.5	303	0.8	6,557	7.9	2.1	15.2%	26.8%
SZC	KCN	35.9	-1.8%	1.9	187	2.2	1,393	25.8	2.6	2.9%	10.8%
HSG	Vật liệu	18.3	0.0%	2.1	490	12.1	(1,694)		1.1	17.7%	-9.6%
HT1	Vật liệu	17.1	-2.0%	1.5	284	0.9	166	102.9	1.3	3.4%	1.2%
NKG	Vật liệu	19.6	0.0%	2.3	224	6.7	(2,586)		1.0	10.8%	-11.8%
PTB	Vật liệu	52.6	-0.8%	1.1	153	0.8	6,017	8.7	1.3	16.6%	15.7%
KSB	Vật liệu	31.8	-2.2%	1.8	105	4.7	1,393	22.8	1.2	3.4%	5.6%
NVL	BDS	16.2	0.0%	1.0	1,374	30.3	362	44.7	0.9	3.6%	1.9%
DXG	BDS	16.6	-1.8%	2.3	440	17.0	(240)		1.1	18.5%	-1.6%
HDC	BDS	39.1	0.4%	1.6	230	5.0	2,526	15.5	2.8	2.0%	20.9%
DIG	BDS	25.6	2.4%	2.6	679	44.6	262	97.8	2.3	5.7%	2.1%
IJC	BDS	15.0	-0.7%	2.0	164	1.7	1,491	10.0	1.0	6.4%	10.2%
BSR	Dầu khí	18.4	-0.5%	1.4	2,480	7.3	4,750	3.9	1.1	0.4%	33.2%
PVT	Dầu khí	23.9	0.4%	1.2	336	3.5	2,740	8.7	1.3	14.5%	15.4%
PLC	Săm lốp	39.6	-2.0%	1.8	139	0.7	1,355	29.2	2.5	1.3%	8.2%
DRC	Tiện ích	23.6	-1.1%	1.3	122	0.5	1,971	12.0	1.6	9.8%	13.4%
REE	Tiện ích	65.3	0.8%	0.8	1,160	2.1	6,714	9.7	1.7	49.0%	18.6%
GEX	Tiện ích	22.0	0.0%	2.0	814	12.4	10	2203.1	1.6	11.7%	0.1%
NT2	Tiện ích	29.9	-1.2%	0.8	374	1.0	2,473	12.1	1.8	15.6%	15.6%
HDG	Tiện ích	32.5	-0.6%	1.7	432	1.2	3,775	8.6	1.8	25.1%	22.6%
PC1	Tiện ích	28.6	-1.6%	1.4	336	2.9	1,257	22.7	1.5	6.2%	6.8%
GEG	Tiện ích	15.3	-1.0%	1.1	226	0.8	902	16.9	1.7	46.4%	5.7%
BCG	Dầu khí	9.9	-2.4%	2.2	230	7.8	220	45.0	0.8	1.7%	1.5%
SAB	Bán lẻ	158.0	1.9%	0.1	4,405	2.6	7,649	20.7	4.2	62.3%	22.1%
QNS	Bán lẻ	53.4	-1.1%	0.6	829	2.9	4,226	12.6	2.2	16.9%	17.5%
FRT	Bán lẻ	76.7	-0.4%	1.5	454	3.9	1,620	47.3	5.2	33.3%	11.5%
DGW	Bán lẻ	53.5	-1.8%	2.0	389	6.7	3,397	15.8	3.5	24.7%	24.7%
DBC	Bán lẻ	25.2	-1.0%	2.1	265	9.0	(1,339)		1.4	7.2%	-7.2%
PET	Bán lẻ	29.7	-2.0%	2.3	128	0.8	1,026	29.0			4.3%
BAF	Bán lẻ	23.9	-0.8%		149	1.9	1,409	16.9	1.8	0.1%	11.8%
ANV	Thủy sản	37.6	0.5%	1.6	218	3.8	4,368	8.6	1.6	3.9%	20.1%
VSC	Logistics	36.4	0.3%	0.5	192	3.6	2,087	17.4	1.7	3.5%	9.4%
HAH	Logistics	50.2	-0.4%	1.2	154	4.1	9,072	5.5	1.5	4.6%	34.4%
CTR	Công nghệ	73.5	-0.7%	1.4	366	0.8	4,040	18.2	4.8	10.1%	29.3%
TNG	Dệt may	20.8	0.5%	1.7	103	1.6	2,665	7.8	1.4	22.0%	19.3%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2023_VN_Trong nguy có cơ	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2022	x		Click
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2022		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh
Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639